

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÍNH SÁCH TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lê Cảnh Dũng^{1*}, Bùi Hải Dương², Lê Công Thành³, Võ Văn Tuấn¹

¹Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

²Trường Chính trị Thành phố Cần Thơ

³Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cần Thơ

*Tác giả liên hệ: lcdung@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 03.10.2024

Ngày chấp nhận đăng: 18.04.2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá những ảnh hưởng của các chính sách về tái cơ cấu nông nghiệp đã thực hiện trong khoảng mười năm qua (2014-2023) trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phương pháp “Lý thuyết của sự thay đổi” được sử dụng, theo đó các nội dung chính sách, kết quả và ảnh hưởng của chính sách được sắp xếp theo trình tự để thấy được tính hệ thống và tính hợp lý của tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương. Kết quả cho thấy chính sách đã ảnh hưởng làm tăng trưởng kinh tế nông nghiệp theo chiều hướng tích cực, thể hiện qua các đầu ra như giảm diện tích đất lúa kém hiệu quả, tăng diện tích rau màu và cây ăn trái có hiệu quả cao hơn, qua đó giá trị lợi tức trên đất đai tăng đáng kể, đồng thời gia tăng tỉ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo. Đặc biệt, năng suất lao động nông nghiệp tăng khá cao, trung bình trên 15%/năm trong các năm gần đây. Hàm ý chính sách là địa phương cần đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp mạnh hơn nữa, theo hướng chuẩn hóa sản phẩm, liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị và đầu tư công nhiều hơn cho nông nghiệp để phát huy giá trị của các biện pháp trong tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp.

Từ khóa: Cần Thơ, chính sách, năng suất lao động, nông nghiệp, tái cơ cấu.

Impact of Agricultural Restructuring Policy on Economic Growth and Agricultural Labor Productivity of Can Tho City

ABSTRACT

This study aimed to evaluate the effects of agricultural restructuring policies implemented over the past ten years (2014-2023) in Can Tho city. The “theory of change” method was used, whereby the policy contents, outputs and outcomes of the policy were arranged in order to see the systematicity and rationality of the local agricultural restructuring process. The results show that the policies have influenced agricultural economic growth in a positive direction as seen in the outputs such as reducing the area of ineffective rice land and the mean time increasing the area of higher value vegetables and fruit trees. The agricultural land income increased significantly, and the proportion of trained agricultural workers increased. In particular, agricultural labor productivity has increased significantly with over 15%/year in recent years. The policy implication is that the locality needs to accelerate the agricultural restructuring economy towards product standardization, linkage between production and consumption under value chain approach and more public investment in agriculture for promoting the effectiveness of measures implemented in the agricultural restructuring process.

Keywords: Agriculture, Can Tho, labor productivity, policy, restructure.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp luôn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, bên cạnh đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, an ninh lương thực và xuất khẩu

nông sản, nông nghiệp là nguồn sinh kế quan trọng của đại bộ phận dân cư nông thôn. Từ sau Nghị quyết (NQ)26-NQ/TW/2008 của Trung ương Đảng (Đảng CSVN, 2008), nhiều chính sách ra đời, góp phần thúc đẩy khu vực nông

ng nghiệp, nông dân và nông thôn phát triển đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Thành phố Cần Thơ (TPCT) trực thuộc Trung ương từ năm 2004, với vị trí địa lý là trung tâm kinh tế và văn hóa của Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nông nghiệp có vị thế quan trọng trong nền kinh tế dưới góc độ dân số, lực lượng lao động và sinh kế. TPCT hiện có bốn huyện nông thôn trong tổng số chín đơn vị hành chính trực thuộc, dân số nông thôn là 369.492 người, chiếm 29,5% tổng dân số, đồng thời lao động nông nghiệp là 146.893 người, chiếm 24,6% trong lực lượng lao động (Cục Thống kê TPCT, 2024). Từ sau NQ 26-NQ/TW/2008, TPCT đã triển khai Chương trình 43 (Thành Ủy TPCT, 2008) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Tiếp theo đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của Chính phủ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững (Chính phủ, 2013), TPCT đã xây dựng đề án Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp (UBND TPCT, 2017) cho giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp (UBND TPCT, 2021) cho giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi là Đề án và Kế hoạch). Trong 10 năm qua (2014-2023), bên cạnh môi trường chính sách chung của Nhà nước về tái cơ cấu nông nghiệp, Đề án và Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp của TPCT đã góp phần tăng trưởng kinh tế cũng như cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp địa phương đạt được những thành quả đáng kể.

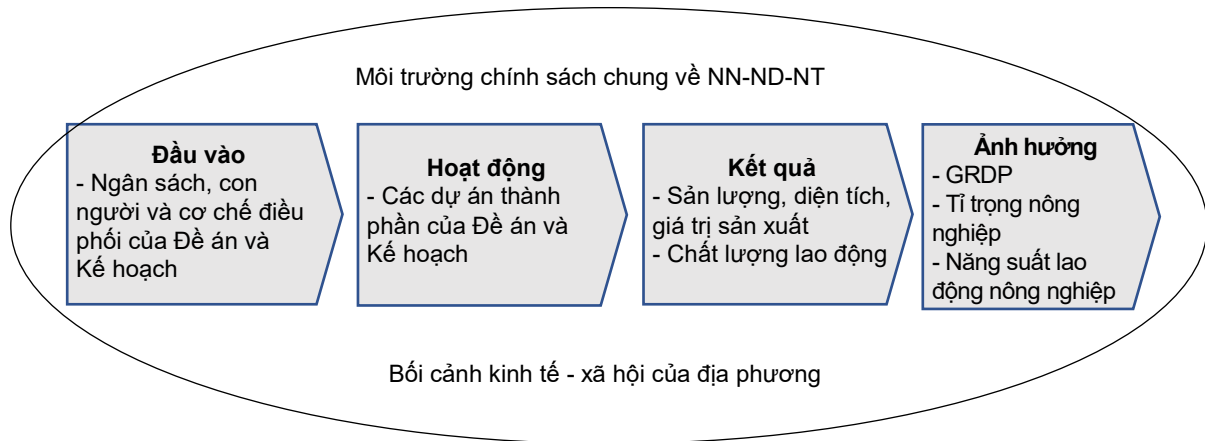
Nhiều năm qua, ngành nông nghiệp của địa phương hàng năm đều có sơ kết cũng như báo cáo chuyên đề kết quả hoạt động của từng chương trình, dự án. Tuy nhiên, hiện chưa có nghiên cứu mang tính hệ thống, phân tích thay đổi có tính logic về tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp. Trong phạm vi hạn hẹp, bài viết này không đi sâu đánh giá ảnh hưởng chi tiết của Đề án và Kế hoạch, thay vào đó, mục tiêu của bài viết là nhằm đánh giá tăng trưởng kinh tế cũng như dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp dưới ảnh hưởng của môi trường chính sách nói chung, trong đó có đóng góp của Đề án tái cơ cấu nông nghiệp (2017) và Kế hoạch cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp của địa phương (2021). Kết quả

nghiên cứu này giúp rút ra hàm ý chính sách phục vụ phát triển kinh tế địa phương trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và cách tiếp cận

Nghiên cứu này được phân tích dựa trên cách tiếp cận “Lý thuyết của sự thay đổi” (Theory of Change) (Rogers, 2014) vốn được xem là cách tiếp cận có tính logic khi đánh giá ảnh hưởng của chính sách (Nguyễn Thị Thái Lan & cs., 2021). Theo đó, sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một quá trình thay đổi do một loạt các yếu tố có tính ảnh hưởng dây chuyền từ nhiều phía, trong đó có vai trò quan trọng của chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trước hết là yếu tố Đầu vào gồm những nguồn lực con người và tài chính, cơ chế điều phối của Nhà nước trong Đề án và Kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp. Các đầu vào này được sử dụng nhằm tạo ra các hoạt động, đó là nội dung của Đề án và Kế hoạch được triển khai. Hoạt động được triển khai tạo ra các Kết quả, là những thành quả cụ thể của ngành nông nghiệp được đo lường bằng các chỉ tiêu diện tích và giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích mỗi ha và chất lượng lao động thông qua tỉ lệ lao động đã qua đào tạo. Từ những kết quả nhận được đã tạo ra các Ảnh hưởng trực tiếp là những thay đổi chỉ số kinh tế của TPCT như quy mô GRDP và tốc độ tăng trưởng GRDP hàng năm, tỉ trọng cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giá trị gia tăng và năng suất lao động nông nghiệp (Hình 1). Hẳn nhiên, các kết quả và ảnh hưởng trong Khung phân tích này là hệ quả hay tổng hòa của nhiều yếu tố bao gồm những đóng góp của khu vực tư nhân của người sản xuất, tuy nhiên các hoạt động của Đề án và Kế hoạch của TPCT như đã nói là những yếu tố quan trọng có tính chất định hướng và thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp của TPCT. Các chỉ số về chất lượng lao động, đầu tư công và mức độ sinh lợi của đầu tư công (ICOR: Incremental Capital Output Ratio) cũng sẽ được xem xét vì chúng có liên hệ mật thiết với năng suất lao động nông nghiệp.



Hình 1. Khung phân tích tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp của TPCT

Năng suất lao động có ý nghĩa đặc biệt trong việc làm tăng GDP của quốc gia. Theo tính toán, giai đoạn 2011-2020 tăng năng suất lao động đóng góp 85,87% trong tăng GDP của Việt Nam, trong khi tăng lao động đóng góp chỉ 14,13% (Tổng cục Thống kê, 2023). Khi năng suất lao động tăng 1 đơn vị thì GDP tăng 0,83 đơn vị (The Conference Board, 2019).

Tình trạng dư thừa lao động dẫn đến năng suất lao động nông nghiệp thấp (Lewis, 1955; Đinh Phi Hồ & Phạm Ngọc Dưỡng, 2011). Nâng cao năng suất lao động nông nghiệp đồng thời giúp nâng cao thu nhập cho nông dân (Park, 1992). Chất lượng lao động thể hiện qua trình độ học vấn và trình độ chuyên môn, là yếu tố rất quan trọng quyết định tăng trưởng năng suất lao động (Black & Lynch, 1997; Honig, 2001; Blundell & cs, 1999) được trích dẫn trong Tổng cục Thống kê (2023).

Vốn là nguồn lực cần thiết để phát huy tác dụng của các yếu tố khác, đồng thời là điều kiện để sử dụng lao động và đầu tư vào kỹ thuật tiên tiến cho sản xuất cũng như cơ sở hạ tầng (IPSARD, 2015) trích trong Đinh Xuân Nghiêm (2017) như thủy lợi, hệ thống điện, đường giao thông, khoa học kỹ thuật,... phục vụ sản xuất, tạo tiền đề cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tăng trưởng kinh tế nói chung (Sử Đình Thành, 2011). Bên cạnh vốn đầu tư công, vốn sản xuất là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tăng năng suất lao động (Papadogonas & Voulgaris, 2005; Cin & cs., 2017; Nguyễn Văn Đông, 2016;

Nguyễn Thanh Hải & Nguyễn Thị Lê Hoa, 2016). Ngoài ra, các yếu tố khác ảnh hưởng đến tăng năng suất lao động như nhu cầu tiêu dùng của xã hội, lao động vốn, tiền lương, khoa học công nghệ, thể chế, chính sách của Nhà nước, cơ cấu sản xuất (Tổng cục Thống kê, 2023).

2.2. Thu thập số liệu và phân tích

Giai đoạn số liệu được phân tích là 10 năm, từ 2014 đến 2023, là thời kỳ có Đề án và tiếp tục thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp của TPCT. Nguồn số liệu được thu thập từ Niên giám thống kê của TPCT xuất bản năm 2019 cho giai đoạn số liệu 2014-2018 và năm 2024 cho giai đoạn số liệu 2019-2023, kết hợp với các kết quả từ báo cáo thường niên của Sở NN&PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư,... của TPCT.

Số liệu sau khi thu thập được phân tích theo phương pháp thống kê mô tả, theo đó các số trung bình, tốc độ tăng trưởng bình quân theo năm và từng giai đoạn được thể hiện. Các chỉ số quan trọng thể hiện vai trò quan trọng của nền kinh tế, cơ cấu kinh tế như GRDP, năng suất lao động, vốn đầu tư công,... được sử dụng. Các chỉ số kinh tế như GRDP và năng suất lao động nông nghiệp... được tính theo giá so sánh 2010.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nội dung chính của chính sách

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết 26-NQ/TW, TPCT đã ban hành Chương trình số 43-CTr/TU

(2008) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đồng thời, TPCT ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU (Thành ủy TPCT, 2012) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 theo chủ trương chung của cả nước theo QĐ800/QĐ-TTg (Chính phủ, 2010). Bên cạnh các chính sách nói trên, TPCT đã ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù khác về xây dựng và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thí điểm hỗ trợ lãi suất cho nông dân mua máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2011-2012, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn. Đặc biệt, hai chính sách quan trọng có ảnh hưởng lớn đến kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng của TPCT đó là: (i) Đề án (Quyết định số 61/QĐ-UBND, 2017) cho giai đoạn 2016-2020 và (ii) Kế hoạch (Quyết định số 199/KH-UBND, 2021) cho giai đoạn 2021-2025. Nội dung chính yếu của các chính sách này tập trung vào xây dựng và phát triển nông sản theo hướng chất lượng cao, chuẩn hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, liên kết tốt hơn giữa sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, mở rộng thị

trường để sử dụng tốt hơn các nguồn lực xã hội, được tóm tắt trong bảng 1.

Nội dung của Đề án và Kế hoạch nói trên có thể sắp xếp thành những nguồn lực đầu vào chính yếu của tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp, bao gồm ngân sách, con người và điều phối. Về ngân sách tổng cộng là 669,39 tỉ đồng, trong đó ngân sách nhà nước 409,18 tỉ đồng chiếm 61,13%, phần còn lại 260,21 tỉ đồng thuộc ngân sách ngoài nhà nước, chiếm 38,87%. Đề án và Kế hoạch được thực hiện với sự lãnh đạo cũng như thực hiện từ hầu hết các sở ngành, hội đoàn thể và UBND các huyện, đặc biệt ngành nông nghiệp, khuyến nông đóng vai trò chủ đạo. Đề án và Kế hoạch đặt dưới sự chỉ đạo của UBND TPCT và trực tiếp điều phối của Sở NN&PTNT, đồng thời hàng năm có sơ kết đánh giá giám sát quá trình thực thi và kết quả đạt được. Những Đầu vào từ nhà nước nói trên đóng vai trò chủ đạo và thúc đẩy, đồng thời huy động thêm các nguồn lực xã hội khác tham gia vào tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp địa phương tạo ra những kết quả tích cực.

Bảng 1. Các hoạt động chính yếu của chính sách tái cơ cấu nông nghiệp của TPCT

Năm	Chính sách	Nội dung chính sách
2017	Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp	<p>Cây lúa: Giảm dần diện tích lúa kém hiệu quả sang đối tượng khác có hiệu quả hơn, gia tăng diện tích lúa liên kết theo cánh đồng lớn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật (3G3T, 1P5G); xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP và vùng lúa nguyên liệu chất lượng cao.</p> <p>Cây ăn trái: Xây dựng vùng chuyên canh kết hợp với du lịch; phát triển vùng cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP, ứng dụng công nghệ cao, đạt phẩm chất an toàn vệ sinh thực phẩm; hỗ trợ quảng bá sản phẩm; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu cho các sản phẩm.</p> <p>Chăn nuôi: Xây dựng liên kết sản xuất nhằm giảm thiểu chăn nuôi nhỏ lẻ và tạo điều kiện tiếp cận thị trường; xây dựng 20 mô hình chăn nuôi khép kín; xây dựng mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP;</p> <p>Thủy sản: Phát triển vùng chuyên canh cá tra; sản xuất giống cá tra tập trung và vùng nuôi cá tra thương phẩm; áp dụng Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP); phát triển giống thủy sản chất lượng phục vụ địa phương và các tỉnh.</p> <p>Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước: 179,49 tỷ đồng (46,26%); ngân sách khác 208,509 tỷ đồng (53,74%).</p>
2021	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp	<p>+ Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh theo chuỗi giá trị.</p> <p>+ Mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn gắn với chứng nhận chất lượng nông sản, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và công nghiệp chế biến, bảo quản theo chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực.</p> <p>+ Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" gắn với xây dựng thương hiệu nông sản đặc trưng và phát triển du lịch của địa phương.</p> <p>+ Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước 229,694 tỷ đồng (81,62%); ngân sách khác 51,697 tỷ đồng (18,38%).</p>

Nguồn: UBND Thành phố Cần Thơ (2017; 2021).

3.2. Kết quả của chính sách

Kết quả tái cơ cấu nông nghiệp là hệ quả có được từ những yếu tố đầu vào của người sản xuất như nông hộ, trang trại hay doanh nghiệp nông nghiệp, nhưng vai trò định hướng và thúc đẩy của chính sách thể hiện qua Đề án và Kế hoạch cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp của địa phương là rất quan trọng. Các kết quả tái cơ cấu nông nghiệp được thể hiện qua các chỉ số về chuyển dịch diện tích, sản lượng và giá trị của cây trồng vật nuôi theo hướng gia tăng hiệu quả kinh tế (Bảng 2). Diện tích gieo trồng lúa giảm từ 232,34 ngàn ha ở thời điểm 2014 xuống còn 216,22 ngàn hecta sau 10 năm, giảm 16,12 ngàn hecta, trung bình mỗi năm giảm 0,80% đất gieo trồng lúa. Ngược lại, đất trồng rau màu và cây ăn trái có giá trị cao gia tăng trong cùng thời gian. Đất trồng rau màu tăng 4,45 ngàn hecta và cây ăn trái tăng khá lớn với 9,14 ngàn hecta, trung bình mỗi năm tăng 5,32% và 5,46% lần lượt đối với rau màu và cây ăn trái. Sản lượng heo tăng 3,24 ngàn tấn, tương đương tăng 1,87%/năm và cá tra tăng 68,13 ngàn tấn, tương đương tăng 4,43%/năm. Qua số liệu trên cho thấy diện tích gieo trồng lúa giảm, trong khi

tăng diện tích các loại rau màu và cây ăn trái có giá trị cao hơn, phù hợp với chủ trương cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có lợi tức cao hơn (Chính phủ, 2015; 2019). Đối với ngành hàng heo và cá tra, dù chịu ảnh hưởng lớn của biến động thị trường về giá cả đầu ra cũng như lệ thuộc nguồn thức ăn công nghiệp, sản lượng heo và cá tra cũng có tăng nhẹ, tuy có biến động giảm sản lượng ở thời điểm 2019-2020 bị dịch bệnh Covid-19.

Bên cạnh dịch chuyển sử dụng đất, sự gia tăng lợi tức trên đất đai nông nghiệp và thủy sản là kết quả của các chính sách tái cơ cấu nông nghiệp (Bảng 3). Đối với đất nông nghiệp bao gồm đất trồng lúa, cây ngắn ngày và cây ăn trái có giá trị lợi tức tăng từ 84,82 triệu đồng ở năm 2014 (giá so sánh 2010) đến 136,98 triệu đồng vào năm 2023, tăng 52,16 triệu đồng trong 10 năm, tương đương tốc độ tăng 5,47%/năm. Sự gia tăng này có thể đến từ nhiều nguyên nhân như giảm chi phí sản xuất do giảm đầu tư dựa vào kỹ thuật 1 Phải 5 Giảm (1P5G) trên lúa, canh tác rau màu và cây ăn trái có giá trị cao hơn so đất lúa.

Bảng 2. Diện tích và sản lượng cây trồng vật nuôi chủ lực

Năm	Lúa (1.000ha)	Rau màu (1.000ha)	Cây ăn trái (1.000ha)	Heo (1.000 tấn)	Cá tra (1.000 tấn)
2014	232,34	n.a	n.a	17,84	142,87
2015	237,95	8,66	17,26	17,99	136,49
2016	240,02	10,05	18,10	19,68	130,34
2017	240,13	11,05	18,99	20,17	155,67
2018	237,33	12,14	20,13	20,60	182,27
2019	225,14	13,05	21,65	20,37	196,16
2020	223,00	12,91	23,18	17,99	188,05
2021	222,38	14,33	24,93	18,83	182,20
2022	216,38	14,52	25,97	20,33	199,98
2023	216,22	13,11	26,40	21,08	211,00
Chênh lệch (2014-2023)	-16,12	4,45	9,14	3,24	68,13
Tốc độ tăng, giảm* (%/năm)	-0,80	5,32	5,46	1,87	4,43

Ghi chú: n.a: Không có dữ liệu; (*): Tốc độ tăng giảm tính theo trung bình CAGR (Compound Annual Growth Rate). $CAGR = (V_{end}/V_{initial})^{(1/t)} - 1$, trong đó $V_{initial}$ là giá trị năm đầu, V_{end} là giá trị năm cuối, t là số năm trong kì đánh giá.

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2019; 2024).

Đối với thủy sản, cá tra là nông sản chủ lực và chịu ảnh hưởng rất lớn của biến động thị trường xuất khẩu khi xuất khẩu chủ yếu vào Hoa Kỳ và Trung Quốc (ITC, 2024). Giá trị trên mỗi hecta đất thủy sản biến động rất lớn, giảm từ 3.514,87 triệu đồng/ha ở năm 2014 xuống còn 2.300,08 triệu đồng ở năm 2023, thực chất trong 10 năm qua giá trị này biến động lớn trong các năm 2017, 2018, 2020 vì nhiều nguyên nhân (Chu Khôi, 2023).

Như vậy, chính sách đã tạo ra những kết quả trực tiếp đó là giảm diện tích đất lúa do kém hiệu quả và gia tăng diện tích rau màu và cây ăn trái có lợi tức cao hơn. Diện tích đất được xem là chỉ số có thể điều khiển được dưới ý muốn chủ quan của chính sách, trong khi đó giá trị trên đất đai còn tùy thuộc một số yếu tố khách quan của biến động thị trường. Tuy vậy, giá trị đất nông nghiệp đã được tăng lên, bất chấp sự biến động của thị trường, điều này cho thấy chính sách tái cơ cấu nông nghiệp đã đi vào chiều sâu theo hướng chuẩn hóa sản phẩm và liên kết chuỗi giá trị để có thể giảm thiểu những ảnh hưởng bất lợi của thị trường. Giá trị đất thủy sản mà chủ yếu là nuôi cá tra vốn phụ thuộc rất lớn vào thị trường xuất khẩu thế giới, nên đã có những biến động khá lớn trong thời gian qua. Giá trị đất thủy sản giảm 1.214,79

triệu đồng từ 2014 đến 2023, tương đương giảm -4,6%/năm.

3.3. Ảnh hưởng của chính sách

Ảnh hưởng của chính sách tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn TPCT được thể hiện qua các chỉ số về tăng trưởng GRDP nông nghiệp, cơ cấu của GRDP nông nghiệp so với GRDP chung của địa phương, tỉ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo nghề và năng suất lao động nông nghiệp. Các chỉ số này được thể hiện qua bảng 4 và hình 2.

Kinh tế của TPCT tăng trưởng trong 10 năm qua, chỉ số GRDP đã tăng từ 56,405 ngàn tỉ đồng năm 2014 lên 118,491 ngàn tỉ đồng năm 2023, tốc độ tăng trung bình là 8,60%/năm, đây là tốc độ tăng khá cao so với trung bình chung của cả nước. Đối với khu vực nông nghiệp, GRDP cũng có chiều hướng tương tự, tăng từ 7,14 ngàn tỉ đồng đến 11,601 ngàn tỉ đồng trong cùng thời kì, tương đương tăng 5,54%/năm. Tỉ trọng GRDP nông nghiệp trong nền kinh tế hiện nay chiếm 10,69%, giảm 2,86%. Tỉ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế đã giảm từ 12,66% ở năm 2014 xuống còn 9,79% năm 2023, tương đương giảm 0,03% điểm phần trăm mỗi năm. Đây là xu thế tích cực trong tái cơ cấu kinh tế.

Bảng 3. Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản trên đơn vị diện tích (giá so sánh 2010)

Năm	Giá trị đất nông nghiệp (triệu đồng/ha)	Giá trị sx đất thủy sản (triệu đồng/ha)
2014	84,82	3.514,87
2015	86,29	1.745,4
2016	95,06	4.157,25
2017	107,64	1.588,5
2018	95,6	1.985,82
2019	92,84	2.097,47
2020	108,05	1.823,47
2021	112,33	1.617,54
2022	112,94	2.077,22
2023	136,98	2.300,08
<i>Chênh lệch (2014-2023)</i>	52,16	-1.214,79
<i>Tốc độ tăng, giảm bình quân (%/năm)</i>	5,47	-4,60

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2019; 2024).

Bảng 4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông nghiệp của Thành phố Cần Thơ

Năm	GRDP (1.000 tỉ đồng)	GRDP_NN (1.000 tỉ đồng)	(%)	Lao động tổng (Nghìn người)	Lao động nông nghiệp (Nghìn người)	(%)
2014	56,405	7,140	12,66	665	246	37,07
2015	61,616	7,374	11,97	710	258	36,32
2016	67,271	7,564	11,24	710	251	35,29
2017	73,449	7,648	10,41	712	242	33,93
2018	83,221	8,519	10,24	718	217	30,17
2019	89,807	8,637	9,62	685	176	25,61
2020	89,853	9,376	10,44	687	180	26,17
2021	91,590	9,858	10,76	563	151	26,85
2022	107,687	10,548	9,80	587	157	26,77
2023	118,491	11,601	9,79	596	147	24,63
Trung bình 2014-2023	83,939	8,826	10,69	663	202	30,28
Chênh lệch 2014-2023	62,086	4,461	2,86	-68	-99	12,44
Tốc độ tăng, giảm bình quân (%/năm)	8,60	5,54	-0,03	-1,20	-5,58	-0,04

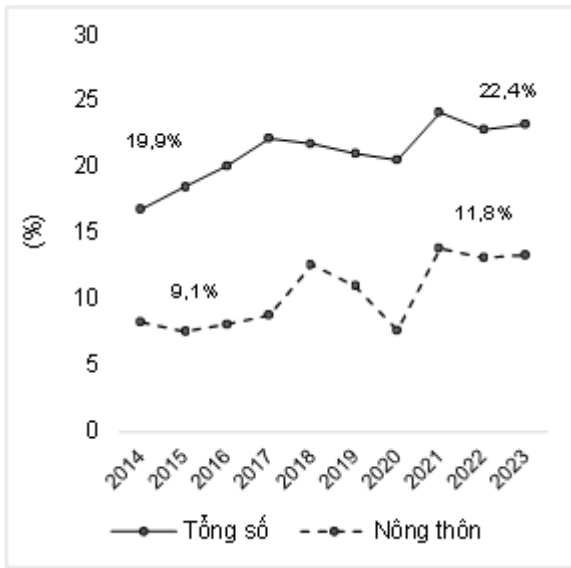
Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2019; 2024).

Tổng lực lượng lao động trong nền kinh tế trên phạm vi TPCT có khuynh hướng giảm do một số lý do, trong đó việc di cư tìm kiếm việc làm ở các tỉnh thành khác, xuất khẩu lao động,... là những nguyên nhân chính. Số liệu cũng cho thấy lực lượng lao động trong khu vực nông nghiệp - nông thôn có tốc độ giảm nhanh hơn so với mức giảm chung. Lao động nông nghiệp năm 2023 là 147 ngàn người, chiếm 24,63% so với tổng lực lượng lao động. Trong 10 năm qua lao động nông nghiệp giảm 99 ngàn người, tương đương giảm 5,58%/năm, đồng thời tỉ trọng lao động nông nghiệp giảm từ 37,07% xuống còn 24,63%, tương đương giảm 0,04 điểm phần trăm mỗi năm. Tình trạng này có thể do một mặt, lao động trẻ di cư có thu nhập từ các ngành ngoài nông nghiệp có thể tốt hơn từ hoạt động nông nghiệp, mặt khác số lao động nông nghiệp giảm có thể là đối tượng có tài nguyên nông nghiệp ít ỏi và họ không hưởng lợi được nhiều từ tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp.

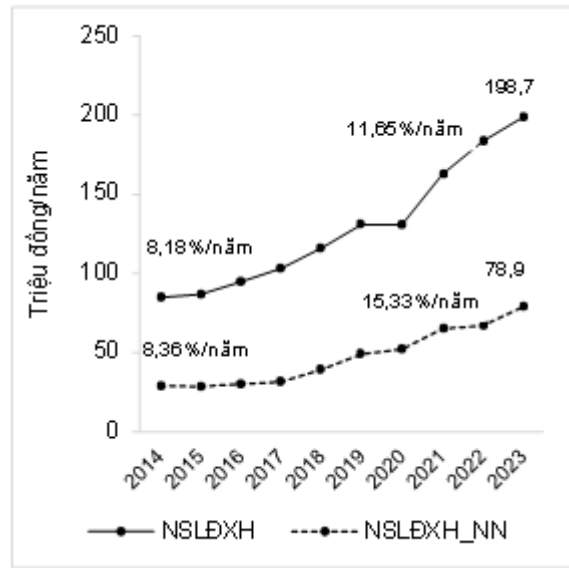
Một chỉ số quan trọng khác do ảnh hưởng của chính sách tái cơ cấu nông nghiệp đó là tỉ lệ lao động đã qua đào tạo. Hình 2a cho thấy tỉ lệ lao động đã qua đào tạo của TPCT nói chung đã gia tăng đáng kể trong 10 năm qua, trung bình đạt 19,9% ở giai đoạn 2014-2018 và tăng lên 22,4% ở giai đoạn 2019-2023. Đối với lĩnh vực

nông nghiệp - nông thôn cũng gia tăng tương tự, trung bình của hai giai đoạn này lần lượt là 9,1% và 11,8%. Chương trình đào tạo nghề nông thôn, Đề án và Kế hoạch cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp và ảnh hưởng chung của tăng trưởng kinh tế đã làm gia tăng chất lượng lao động nông nghiệp.

Năng suất lao động và năng suất lao động nông nghiệp là chỉ số quan trọng khác của nền kinh tế nói chung và của lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, đây là chỉ số tổng hợp chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như tăng trưởng GRDP, cơ cấu lao động và chất lượng lao động. Hình 2b cho thấy cả năng suất lao động và năng suất lao động nông nghiệp đều gia tăng đáng kể trong 10 năm qua. năng suất lao động chung hiện đạt 198,7 triệu đồng (2023) và năng suất lao động nông nghiệp đạt 78,9 triệu đồng, tương đương 39,7% năng suất lao động chung. Đây là tình trạng chung của các nền kinh tế nói chung cũng như ở Việt Nam do tính đặc thù của ngành nông nghiệp. Cụ thể, số liệu sơ bộ năm 2023 cho thấy năng suất lao động chung của cả nước theo giá so sánh 2010 là 199,3 triệu đồng/năm và năng suất lao động nông nghiệp là 88,5 triệu đồng/năm (Tổng cục Thống kê, 2024). Những con số này đều cao hơn chút ít so với những chỉ tiêu tương ứng của TPCT.



(a) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo



(b) Năng suất lao động

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2019; 2023).

Hình 2. Chất lượng lao động giai đoạn 2014-2023

Xét trên phạm vi TPCT, tốc độ tăng trưởng năng suất lao động nông nghiệp tăng cao hơn so với tốc độ tăng của năng suất lao động nói chung. Ở giai đoạn 2014-2018, trung bình năng suất lao động nông nghiệp tăng mỗi năm 8,36%, trong khi ở giai đoạn sau 2019-2023, tốc độ tăng trung bình là 15,33%/năm, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng tương ứng của năng suất lao động chung của TPCT. Điều này cho thấy các biện pháp tái cơ cấu nông nghiệp, đặc biệt là thực hiện Đề án và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã có ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế nông nghiệp.

Như đã đề cập ở phần trên, năng suất lao động nói chung và năng suất lao động nông nghiệp chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố và như là hệ quả của chính sách tái cơ cấu nông nghiệp, đồng thời là hệ quả của vốn đầu tư toàn xã hội cũng như đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Trong tiến trình thực hiện các nội dung chính sách tái cơ cấu nông nghiệp, vốn ảnh hưởng gián tiếp đến tăng năng suất lao động nông nghiệp, do vốn là nguồn lực cần thiết để phát huy tác dụng của các yếu tố khác, đồng thời là điều kiện để sử dụng lao động và đầu tư vào kỹ thuật tiên

tiến cho sản xuất cũng như cơ sở hạ tầng (IPSARD, 2015).

Năm 2018 và 2019, vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn TPCT chiếm lần lượt là 3,1% và 3,3% tổng vốn đầu tư xã hội (Cục Thống kê TPCT, 2024). Trong khi đó, GRDP nông nghiệp chiếm 10,24% và 9,62% GRDP của toàn TPCT ở các năm tương ứng, điều này cho thấy vốn đầu tư công vào nông nghiệp chưa tương xứng với đóng góp của lĩnh vực nông nghiệp vào tăng trưởng kinh tế chung của địa phương. Ở các năm sau, 2020-2023 tỉ lệ đầu tư vốn nhà nước vào nông nghiệp có gia tăng trên 5%, điều này có ảnh hưởng nhất định đến gia tăng năng suất lao động nông nghiệp (Hình 2b). Qua bảng 5 cho thấy chỉ số ICOR nông nghiệp (ICOR_NN) thấp hơn so với ICOR chung của nền kinh tế địa phương, điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của Võ Thành Danh & cs. (2018) theo đó ICOR lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2011-2015 chỉ đạt 1,22. Như vậy, việc đầu tư vốn xã hội nhiều hơn cho lĩnh vực nông nghiệp là cần thiết và hợp lý vì chúng cho mức hiệu quả đầu tư cao hơn khi so sánh tương đối với các lĩnh vực khác trong nền kinh tế.

Bảng 5. Vốn đầu tư toàn xã hội và nông nghiệp của Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2018-2023

Năm	GRDP (1.000 tỉ đồng)	GRDP_NN (1.000 tỉ đồng)	(%)	Vốn đầu tư xã hội (1.000 tỉ đồng)	Vốn đầu tư vào nông nghiệp (tỉ đồng)	(%)	ICOR chung	ICOR_NN
2018	83,221	8,519	10,24	20,182	621	3,1	2,07	0,71
2019	89,807	8,637	9,62	16,617	543	3,3	2,52	4,59
2020	89,853	9,376	10,44	15,278	1.209	7,9	328,57 ^(*)	1,64
2021	91,590	9,858	10,76	13,670	1.394	10,2	7,87	2,89
2022	107,687	10,548	9,80	15,138	1.332	8,8	0,94	1,93
2023	118,491	11,601	9,79	17,119	1.268	7,4	1,58	1,20
Trung bình	96,775	9,756	10,1	16,334	1.061	6,8	3,00	2,16

Ghi chú: (*): Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, GRDP năm 2019 không gia tăng so với 2018, con số ICOR này tăng đột biến, chỉ có giá trị tham khảo và không đưa vào khi tính ICOR trung bình của giai đoạn 2018-2023.

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2019; 2024).

3.4. Hàm ý chính sách

Nông nghiệp đang chia sẻ một tỉ lệ trên dưới 10% trong tổng cơ cấu kinh tế của TPCT nhưng chúng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương do yếu tố dân số, lao động và là nguồn sinh kế của người dân nông thôn. Chính sách tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương đang ảnh hưởng tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các chỉ số từ kết quả, ảnh hưởng của chính sách đều cho thấy những chiều hướng tích cực trong quá trình thay đổi.

Dù đạt được những thành quả nhờ các chính sách trong tái cơ cấu, ngành nông nghiệp địa phương vẫn đang còn nhiều hạn chế cần phải tiếp tục cải thiện như chuẩn hóa sản phẩm và liên kết chuỗi giá trị nông sản. Số liệu cho thấy, diện tích lúa có ứng dụng quy trình canh tác tiên tiến như phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM), canh tác bền vững (SRP), một phải năm giảm (1P5G), thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) và tương đương đạt dưới 25% trên diện tích canh tác (UBND TPCT, 2022a), trong khi diện tích có hợp đồng liên kết chuỗi giá trị là 36.471ha, chiếm 51% diện tích sản xuất (Sở NN&PTNT, 2024). Diện tích cá tra nuôi xuất khẩu đạt các chứng chỉ an toàn thực phẩm 296ha, chiếm 55,2% tổng diện tích (Thanh Thủy, 2022; Sở NN&PTNT, 2022) và diện tích liên kết với công ty chế biến xuất khẩu khoảng

65% (Sở NN&PTNT, 2024). Diện tích cây ăn trái đạt chứng nhận VietGAP hoặc tương đương đạt dưới 5.800ha, chiếm 25% tổng diện tích (UBND TPCT, 2022b) và diện tích được cấp mã vùng trồng là 3.014ha đạt 11% diện tích (Sở NN&PTNT, 2024). Đối với chăn nuôi heo, hiện có 56% số heo được nuôi ở quy mô gia đình từ 1-9 con có nhiều rủi ro dịch bệnh cũng như vệ sinh an toàn thực phẩm (Cục Thống kê TPCT, 2021). Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp vì vậy cần đi vào chiều sâu hơn nữa theo hướng tiếp tục chuẩn hóa sản phẩm nông sản theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, liên kết chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao của tầng lớp trung lưu ở trong nước.

Ngoài ra, để chuyển hóa các nội dung chính sách tái cơ cấu kinh tế có hiệu quả, việc đầu tư ngân sách nhà nước cho cơ sở hạ tầng nông thôn với mức độ cao hơn nữa là thật sự cần thiết và có hiệu quả cao do tỉ suất lợi tức đầu tư cho nông nghiệp cao hơn so với các lĩnh vực khác tại địa phương như đã phân tích ở bảng 5. Kế hoạch xây dựng 38.000ha đến năm 2025 và 48.000ha đến năm 2030 lúa chất lượng cao giảm khí phát thải của TPCT trong đề án chung 1 triệu ha lúa chất lượng cao giảm phát thải của Đồng bằng sông Cửu Long (UBND TPCT, 2024) cũng cần ngân sách đầu tư công cho hệ thống hạ tầng thủy lợi, tập huấn kỹ thuật, nâng cao năng lực cho các hợp tác xã nông nghiệp và cụ thể hóa

chính sách đầu tư công cho ngành nông nghiệp trong thời gian sắp tới. Tóm lại, bốn hàm ý chính sách quan trọng mà địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa gồm: (i) hỗ trợ chuẩn hóa nông sản đầu ra đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế hóa và trong nước, (ii) hỗ trợ liên kết và nâng cấp chuỗi giá trị nông sản, (iii) tổ chức sản xuất tốt hơn nữa trong đó chú trọng phát triển HTX nông nghiệp theo chiều sâu và (iv) đầu tư công cho hạ tầng nông nghiệp để phát triển sản xuất hiện đại và đồng bộ hơn nữa.

4. KẾT LUẬN

Các chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn được TPCT cụ thể hóa bằng các Đề án tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và Kế hoạch lại cơ cấu nông nghiệp trong các năm đã góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng của địa phương. Diện tích lúa kém hiệu quả đang được chuyển dịch qua các loại rau màu và cây ăn trái có hiệu quả cao hơn. Giá trị đất nông nghiệp gia tăng hàng năm nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật, giảm đầu tư và tăng doanh thu theo tiếp cận tốt hơn về chuỗi giá trị nông sản. Bên cạnh đó, biến động giá cả thị trường trong nước và xuất khẩu có ảnh hưởng nhất định đến ngành hàng heo và cá tra của địa phương.

Tốc độ tăng trưởng GRDP của TPCT trung bình 8,6%/năm trong 10 năm qua, trong khi đó GRDP nông nghiệp tăng trưởng trung bình 5,54%/năm trong cùng thời kỳ. Tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế giảm dần và hiện chia sẻ khoảng 10%. Các chỉ số về lao động nông nghiệp giảm dần theo thời gian, trong khi chất lượng lao động thông qua chỉ số tỷ lệ lao động nông nghiệp đã qua đào tạo nghề đang tăng hàng năm và chiếm trên 11,8% lực lượng lao động. năng suất lao động nông nghiệp đang trên chiều hướng tăng, trung bình khoảng trên 15%/năm trong thời gian gần đây.

Nhằm gia tăng hiệu quả của quá trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, ngành nông nghiệp cần tăng cường hơn nữa các biện pháp khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất, chuẩn hóa sản phẩm, tiếp cận sâu hơn về chuỗi giá trị nông sản.

Ngoài ra, chính sách đầu tư công cho nông nghiệp cần được quan tâm, gia tăng tỷ lệ vốn đầu tư cao hơn nữa để phát huy hiệu quả các biện pháp tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp như đã đề cập.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết này là một phần kết quả trong nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp thành phố “Nghiên cứu thực trạng và giải pháp thực thi hiệu quả chính sách chuyển đổi nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở TPCT” theo Quyết định số 372/QĐ-SKHCN năm 2024 của Sở KHCN TPCT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Black S. & Lynch L. (1997). How to Compete: The Impact of Workplace Practices and Information Technology on Productivity, Working Paper No. 6120. National Bureau of Economic Research, Massachusetts, USA.
- Blundell R., Dearden L., Meghir C. & Sianesi B. (1999). Journal of the Institute for Fiscal Studies. 20(1): 1-23.
- Chính phủ (2010). Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.
- Chính phủ (2013). Quyết định 899/QĐ-TTg ngày 31/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.
- Chính phủ (2015). Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Chính phủ (2019). Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Chu Khôi (2023). Giành lại vị thế và thương hiệu cá tra Việt Nam. Truy cập từ <https://vneconomy.vn/gianh-lai-vi-the-va-thuong-hieu-ca-tra-viet-nam.htm>. ngày 30/09/2024.
- Cin B.C., Kim Y.J. & Vonortas N.S. (2017). The impact of public R&D subsidy on small firm productivity: evidence from Korean SMEs. Small Bus Econ. 48: 345-360.
- Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2024). Niên giám thống kê. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2021). Kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn giữa kỳ 7/2020. Nhà xuất bản Thống kê.

Ảnh hưởng của chính sách tái cơ cấu nông nghiệp đến tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động nông nghiệp của Thành phố Cần Thơ

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2008). Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- Đinh Phi Hồ & Phạm Ngọc Dưỡng (2011). Năng suất lao động nông nghiệp - Chia khóa của tăng trưởng, thay đổi cơ cấu kinh tế và thu nhập của nông dân. Tạp chí Phát triển Kinh tế.
- Đinh Xuân Nghiêm (2017). Tăng trưởng năng suất lao động nông nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Đề tài Bộ năm 2016. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Honig B. (2001). Learning strategies and resources for entrepreneurs and intrapreneurs. *Journal of Entrepreneurship Theory and Practice*. 26: 21-35.
- IPSARD (2015). Các yếu tố làm giảm tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp và đề xuất giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp trong thời gian tới. Trích trong Đinh Xuân Nghiêm (2016). Đề tài Bộ năm 2016. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- ITC (2024). Trade statistics for international business development. Retrieved from https://www.trademap.org/Country_SelProductCountry_TS.aspx?nvpm=1%7c704%7c%7c%7c%7c030462%7c%7c%7c6%7c1%7c1%7c2%7c2%7c1%7c2%7c3%7c1%7c1 on Oct 01, 2024.
- Lewis W.A. (1955). *The theory of economic growth*. Publishing House: Allen and Unwin.
- Nguyễn Thanh Hải & Nguyễn Thị Lê Hoa (2016). Thực trạng và yếu tố ảnh hưởng tới năng suất lao động của Việt Nam thông qua khảo sát doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam*. 6A: 6-9.
- Nguyễn Thị Thái Lan (Chủ biên), Bùi Thanh Minh, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Thị Kim Nhung & Mai Tuyết Hạnh (2021). Phân tích chính sách và đánh giá ảnh hưởng về xã hội của chính sách. Sách tham khảo. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Nguyễn Văn Đông (2016). Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động và những vấn đề đặt ra. Truy cập từ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM095522 ngày 26/04/2024.
- Park J. (1992). *A Study of Industrial Relations at a Large Korean Firm (in Korean)*. Seoul: Baeksanseodang.
- Papadogonas, Theodore and Fotini Voulgaris (2005). Labor Productivity Growth in Greek Manufacturing Firms. *Operational Research*. 5(3): 459-472.
- Rogers P. (2014). *Theory of Change, Methodological Briefs: Impact Evaluation 2*, UNICEF Office of Research, Florence.
- Sử Đình Thành (2011). Phân tích mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Hội thảo khoa học: ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. tr. 17-33
- Sở NN&PTNT TPCT (2022). Nhu cầu và đề xuất hợp tác về KHCN ngành hàng cá tra TPCT. Diễn đàn SDMD của ĐHCT.
- Sở NN&PTNT TPCT (2024). Báo cáo tổng kết hoạt động ngành nông nghiệp năm 2024.
- Thanh Thủy (2022). Tổng sản lượng thủy sản nuôi và khai thác của thành phố Cần Thơ tăng 24% so với cùng kỳ. Cục Thủy sản.
- Thành ủy TPCT (2008). Chương trình 43-CTr/TU ngày 02/10/2008 của Thành ủy TPCT về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Văn bản của Thành Ủy TPCT ban hành ngày 01/10/2008.
- Thành Ủy TPCT (2012). Nghị quyết số 09-NQ/TU về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2020. Văn bản của Thành Ủy TPCT ban hành ngày 25/04/2012.
- The Conference Board (2019). *The Conference Board Productivity Brief 2019*. Retrieved from https://www.conferenceboard.org/retrievefile.cfm?filename=TED_ProductivityBrief_20191.pdf&type=subsite on Sep 16, 2024.
- Tổng cục Thống kê (2023). Năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2020: Thực trạng và giải pháp. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2023/02/nang-suat-lao-dong-cua-viet-nam-giai-doan-2011-2020-thuc-trang-va-giai-phap/> truy cập ngày 29/05/2024.
- Tổng cục Thống kê (2024). Năng suất lao động xã hội phân theo ngành kinh tế. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0257&theme=D%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20v%C3%A0%20lao%20C4%91%E1%BB%99ng> ngày 01/10/2024.
- UBND TPCT (2017). Quyết định 61/QĐ-UBND về Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp cho giai đoạn 2016-2020.
- UBND TPCT (2021). Quyết định 199/KH-UBND. Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp cho giai đoạn 2021-2025.
- UBND TPCT (2022a). Quyết định 247/KH-UBND. Kế hoạch tái cơ cấu ngành lúa gạo Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030.
- UBND TPCT (2022b). Quyết định 193/KH-UBND. Kế hoạch xây dựng vùng sản xuất cây ăn trái đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn TPCT năm 2022-2025.
- UBND TPCT(2024). Quyết định 93/KH-UBND. Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn TPCT.
- Võ Thành Danh, Nguyễn Hữu Đăng, Lê Tín & Ong Quốc Cường (2018). Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 54(4D): 200-211.